

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

# ĐẶC ĐIỂM KẾT TRỊ CỦA SỐ TỪ CHỈ SỐ LƯỢNG TRONG TIẾNG VIỆT

VALENCY FEATURES OF QUANTITY NUMERAL IN VIETNAMESE

LÊ THỊ LAN ANH

(PGS.TS; Đại học Sư phạm Hà Nội)

Nguyễn Thị Mai Hương

(ThS; Đại học Hồng Đức)

**Abstract:** The article researches into the valency based on the broad opinion about valency. Therefore, valency of quantity numeral in Vietnamese can be understood as the ability to open around it vacancies that need to or can be fulfilled by grammatical components in order to add particular meanings. All of that combining ability creates valency of this group of numerals. By researching on the Vietnamese materials, we have determined that valency of quantity numeral consists of three fundamental tagmas which belong to the two levels: tagma of counted object, unit tagma used in counting (phrase level), tagma of quantitative form (sentence level).

**Key words:** valency; quantity numeral; Vietnamese.

## 1. Mở đầu

Như chúng ta đã biết, lí thuyết kết trị xuất hiện trong nghiên cứu ngôn ngữ từ những thập kỉ đầu của thế kỉ XX gắn với tên tuổi của nhà ngôn ngữ học người Pháp L. Tesnière. Khắc phục khiếm khuyết của thứ ngữ pháp quá thiên về hình thức cấu trúc, trong đó chỉ thấy vai trò chỉ phối trong câu của chủ ngữ đối với động từ vị ngữ về số, ngôi, giống, cách,... lí thuyết kết trị của L. Tesnière quan tâm đến bình diện ngữ nghĩa trong cú pháp đề từ đó dồn trọng tâm chú ý tới vai trò của động từ vị ngữ trong cơ cấu ngữ nghĩa của câu. L. Tesnière quan niệm rằng, đối với một câu thì không phải chủ ngữ, mà động từ vị ngữ mới là thành tố quan trọng nhất. Động từ vị ngữ đóng vai trò là đỉnh của câu trong sự thể hiện một quá trình của hiện thực. Mỗi câu với động từ vị ngữ diễn tả một màn kịch nhỏ, trong đó có một số vai diễn. Có thể thấy, với việc nghiên cứu kết trị của động từ, L. Tesnière đã đem đến một hướng tiếp cận mới cho ngữ pháp học, tiếp cận theo đường hướng ngữ nghĩa, chức năng. Cách tiếp cận ngữ pháp này hiện

đã và đang được các nhà ngữ pháp trên thế giới và ở Việt Nam vận dụng vào nghiên cứu ngữ pháp theo hướng kế thừa và phát triển. Nếu như L. Tesnière chỉ quan tâm đến việc nghiên cứu kết trị của động từ, trong phạm vi cú pháp, ở cấp độ từ thì trong sự vận dụng của mình, các nhà ngôn ngữ học đã chủ trương mở rộng "biên độ" nghiên cứu kết trị sang các từ loại khác, cấp độ khác của ngôn ngữ.

Bài viết này của chúng tôi đi theo hướng nghiên cứu mở rộng này. Trong bài viết, chúng tôi sẽ cố gắng làm rõ sự kết hợp cú pháp (cả trong phạm vi cụm từ và câu) của số từ chỉ số lượng trong tiếng Việt. Hi vọng, bài viết sẽ góp phần bổ sung và hoàn thiện lí thuyết kết trị do L. Tesnière khởi xướng.

## 2. Một số vấn đề về kết trị

Về vấn đề kết trị, chúng tôi đã có dịp trình bày ở hai bài báo [*Từ điển học và Bách khoa thư*, 5/2014; *Ngôn ngữ và Đời sống*, 9/2014]. Ở đây, để làm cơ sở cho bài viết, chúng tôi chỉ xin nhắc vào một số điểm cơ bản.

Trên thực tế, mặc dù còn có những quan niệm khác nhau về nội hàm của thuật ngữ *kết trị*, những cách hiểu rộng hẹp khác nhau về khái niệm kết trị, tuy nhiên, chúng tôi vẫn mạnh dạn đưa ra một định nghĩa *kết trị* (ở bài viết này chúng tôi sử dụng thuật ngữ *kết trị*) của từ như sau: *Kết trị là khả năng mở ra xung quanh từ những ô trống cần hoặc có thể được lấp đầy bởi những thành tố ngữ pháp nhằm bổ sung những ý nghĩa nhất định*. Những ô trống này là khả năng kết hợp tiềm tàng đồng thời là khả năng hiện thực hóa sự kết hợp tiềm tàng đó của một từ với từ cách là trung tâm của toàn tổ hợp. Toàn bộ những khả năng kết hợp đó tạo nên đặc trưng cho một lớp từ và được quan niệm là đặc điểm kết trị của lớp từ đó. Những thành tố kết hợp theo đặc điểm kết trị của từ được gọi là kết tố. Mỗi loại kết tố này sẽ bổ sung một loại ý nghĩa (ngữ pháp) nhất định cho từ trung tâm. Nói một cách ngắn gọn, kết trị chính là những kết hợp có *giá trị ngữ pháp - ngữ nghĩa* để bổ sung ý nghĩa ngữ pháp cho từ, phân biệt với những kết hợp từ vựng - ngữ nghĩa thông thường.

Cách hiểu trên đây của chúng tôi về kết trị là cách hiểu rộng về kết trị theo xu hướng hiện nay: *Thứ nhất*, kết trị của từ không giới hạn chỉ ở từ - động từ mà còn có thể mở rộng đến từ thuộc các từ loại khác nữa, miễn là từ đó có khả năng mở ra các ô trống có giá trị ngữ pháp. Khi xem xét kết trị của từ thuộc loại nào thì phải coi nó là trung tâm và tìm các ô trống ngữ pháp xuất hiện xung quanh nó; *Thứ hai*, kết trị của từ được xem xét trong mối quan hệ với cú pháp ở cả hai cấp độ: cấp độ cụm từ và cấp độ câu vì kết quả nghiên cứu cho thấy, có những từ loại đặc điểm kết trị của từ ở hai cấp độ này rất khác nhau; *Thứ ba*, kết trị của từ sẽ được xem xét cả ở khả năng kết hợp tiềm tàng (trong hệ thống tĩnh) và cả ở khả năng hiện thực hóa của nó trong lời nói (ở trạng thái hành chức).

Với cách hiểu như trên về kết trị, chúng tôi quan niệm có hai loại kết tố: *kết tố cơ sở* (kết tố bắt buộc, diễn tố, kết tố cần có) và *kết tố mở rộng* (kết tố tự do, chu tố, kết tố có thể có).

- *Kết tố cơ sở* bao gồm những kết tố phụ thuộc vào đặc trưng ngữ nghĩa - ngữ pháp của từ trung tâm, thường chỉ có mặt ở từng loại từ và không thể thiếu để cho ý nghĩa của tổ hợp từ được hoàn chỉnh. Kết tố cơ sở có thể xuất hiện ở cả hai cấp độ: cụm từ và câu. Cùng chịu sự chi phối ấn định trực tiếp của từ trung tâm nhưng các kết tố cơ sở được phân biệt với nhau ở những điểm sau: 1/*Về ý nghĩa*: Mỗi loại kết tố cơ sở sẽ bổ sung cho từ trung tâm một loại ý nghĩa nhất định. Ý nghĩa này không phải là ý nghĩa riêng của một từ cụ thể mà là ý nghĩa chung cho tất cả những từ ngữ có khả năng đảm nhận một chức vụ ngữ pháp nhất định ở một ô trống nhất định xung quanh từ trung tâm. Vì vậy, nó sẽ là một loại ý nghĩa ngữ pháp; 2/*Về hình thức*: Sự khác nhau về ý nghĩa cũng sẽ dẫn đến sự khác nhau của các kết tố cơ sở về mặt hình thức. Tuy nhiên, đặc điểm hình thức của các kết tố còn phụ thuộc vào từng loại hình ngôn ngữ. Tiếng Việt là loại hình ngôn ngữ đơn lập nên sự phân biệt các kết tố cơ sở về mặt hình thức chủ yếu là ở vị trí (trật tự từ) của chúng trong các kết hợp cú pháp lớn hơn (cụm từ, câu), ở khả năng kết hợp với hư từ và ở ngữ điệu. Tuy nhiên, trong thực tế sử dụng, do sự chi phối của tình huống ngữ cảnh giao tiếp, vị trí của kết tố có thể thay đổi. Do đó, xem xét vị trí của các kết tố cơ sở cần phải chú ý đến vị trí của chúng cả ở *trạng thái tĩnh* và *trạng thái động* (trạng thái hành chức) cũng như sự tác động của các yếu tố thuộc về ngữ cảnh, tình huống. Ngoài những dấu hiệu hình thức trên, những từ ngữ diễn đạt kết tố cũng cho thấy sự khác nhau giữa chúng.

- *Kết tố mở rộng* là những kết tố không chịu sự chi phối, ấn định trực tiếp của từ trung tâm nhưng phải được từ trung tâm

chấp nhận, có thể xuất hiện với nhiều loại từ khác nhau, và sự xuất hiện đó thường là do nhu cầu giao tiếp.

Theo Nguyễn Văn Lộc trong [3], để tránh chủ quan, cảm tính, đồng thời để phát hiện đầy đủ các đặc điểm của các kết tố cần phải dựa vào những thủ pháp hình thức nhất định. Các thủ pháp hình thức cần thiết, thích hợp đối với việc nghiên cứu kết trị của số từ chỉ số lượng là: lược bỏ, bổ sung, thay thế hay đặt câu hỏi, cải biến (xem thêm [5; tr.35-43]).

Những nhận thức trên đây về kết trị sẽ được chúng tôi vận dụng khi tìm hiểu kết trị của số từ chỉ số lượng trong tiếng Việt.

## 2. Xác định mô hình kết trị của số từ chỉ số lượng trong tiếng Việt

Từ cách hiểu trên về kết trị, chúng tôi xác định: *Kết trị của số từ chỉ số lượng là khả năng của số từ chỉ số lượng tạo ra xung quanh mình các ô trống cần hoặc có thể làm đầy bởi những thành tố cú pháp (những thực từ) mang ý nghĩa bổ sung nhất định. Nói cách khác, kết trị của số từ chỉ số lượng là thuộc tính của số từ chỉ số lượng kết hợp vào mình những thành tố cú pháp cần có hoặc có thể. Thuộc tính kết hợp này hàm chứa trong ý nghĩa của bản thân số từ chỉ số lượng. Nó chính là sự phản ánh những đòi hỏi hoặc khả năng của số từ chỉ số lượng được cụ thể hóa về mặt nào đó.*

Số từ chỉ số lượng là những số từ biểu thị số lượng - một dạng thuộc tính vật chất của các vật thể trong thế giới khách quan. Do đó, số lượng không tồn tại độc lập mà luôn đi kèm với các sự vật. Nói cách khác, xung quanh số từ chỉ số lượng có một vị trí bắt buộc, cần được làm đầy bằng *kết tố sự vật được tính đếm*. Kết tố này trả lời cho câu hỏi: Ai/cái gì được tính đếm? Kết tố này trả lời cho câu hỏi: Ai/cái gì được tính đếm? Ví dụ:

(1) "Trương Tráng là một người đã ngót năm mươi tuổi" [Hà Ân]

Ở ví dụ này, "tuổi" chính là kết tố chỉ sự

vật được tính đếm.

Số từ chỉ số lượng biểu thị lượng của sự vật. Tuy nhiên, có những sự vật không được định lượng một cách trực tiếp mà được tính toán, đong đếm qua các đơn vị sự vật. Do đó, trong nhiều trường hợp, sự có mặt của đơn vị được dùng để tính đếm sự vật là điều bắt buộc. Ví dụ:

(2) *Mùa đến, hán vác một cái đòn càn có quần mây sợi thừng ở một đầu, đo hết ruộng họ đến ruộng kia.* [Nam Cao]

(3) *Nhưng hai mẹ Bọ Muồm cứ vừa đánh vừa kêu, làm cho họ nhà Bọ Muồm ở ruộng lúa gần đấy nghe tiếng.* [Tô Hoài]

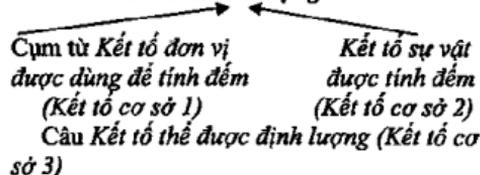
Vì vậy, bên cạnh kết tố sự vật được tính đếm, còn có một kết tố cơ sở nữa là: *kết tố đơn vị được dùng để tính đếm*. Kết tố này trả lời cho câu hỏi: Loại đơn vị nào của sự vật được dùng để tính đếm? Như vậy, ở cấp độ cụm từ, coi số từ chỉ số lượng là trung tâm cú pháp của cụm từ, chúng tôi xác định được hai kết tố cơ sở là: *kết tố sự vật được tính đếm* và *kết tố đơn vị được dùng để tính đếm*.

Ở cấp độ câu, xác định số từ chỉ số lượng ở vị trí trung tâm cú pháp - ngữ nghĩa của câu, nghĩa là làm vị tố trong câu, chúng tôi xác định được một kết tố cơ sở là *thể được định lượng*. Kết tố này trả lời cho câu hỏi: Ai/cái gì được đem ra để định lượng? Ví dụ:

(4) *Gà tơ xào với mướp già/Vợ hai mươi mốt, chồng đã sáu mươi.* [Ca dao]

Có thể hình dung các kết tố cơ sở của số từ chỉ số lượng qua sơ đồ sau:

### Số từ chỉ số lượng



Sự vật được đưa ra tính đếm trong một số trường hợp, gắn với thời gian, không gian cụ thể nên trong mô hình kết trị của số từ chỉ số lượng, còn có thể xuất hiện các kết tố thời gian, kết tố không gian. Đây là loại kết tố mở

rộng, sự xuất hiện của chúng nhằm bổ sung các thông tin thuộc về ngữ cảnh tình huống.

Ví dụ:

(5) *Năm nay, chồng tôi 42 tuổi.*

(6) *Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*  
[Nguyễn Du]

Như vậy, về cơ bản, mô hình kết trí của số từ chỉ số lượng bao gồm ba kết tố cơ sở: *kết tố thể được định lượng* (kết tố cơ sở của câu), *kết tố đơn vị được đếm để tính đếm*, *kết tố sự vật được tính đếm* (kết tố cơ sở của cụm từ). Ngoài ra, trong sự hiện thực hóa kết trí, số từ chỉ số lượng có thể kết hợp vào mình các kết tố mở rộng như: *kết tố thời gian*, *kết tố không gian*. Dưới đây, chúng tôi sẽ đi sâu miêu tả từng loại kết của số từ chỉ số lượng dựa trên những đặc điểm ngữ nghĩa - ngữ pháp của chúng.

**3. Đặc điểm các kết tố của số từ chỉ số lượng trong tiếng Việt**

### 3.1. Kết tố sự vật được tính đếm

a. *Đặc điểm ý nghĩa*: Kết tố sự vật được tính đếm, đúng như tên gọi của nó, bổ sung, hiện thực hóa ô trống cú pháp: sự vật được đưa ra để tính đếm cho số từ. Ví dụ:

(7) *Mới vào làm có vài ngày mà khách khứa xem ý ai cũng mến.* [Vũ Trọng Phụng]

Như trên đã nói, mối liên hệ giữa lượng và sự vật hiện tượng trong thế giới khách quan là tất yếu, do đó, mọi sự vật, hiện tượng trên lí thuyết đều có khả năng tính đếm được. Điều đó có nghĩa, những sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan có thể tính đếm được là vô cùng phong phú, đa dạng, bao gồm cả những vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo và ngay chính bản thân con người. Thực tế khảo sát cho thấy, kết tố sự vật được tính đếm có thể là: con người (bao gồm cả bộ phận cơ thể của người): *mắt, môi, tay, chân, anh, em, cô, bác, giáo viên, bác sĩ...*; động vật: *chim, dế, rắn, cá, ếch, chó, mèo...*; thực vật: *cây, cỏ, hoa, lá, cành, củ, quả...*; các vật thể nhân tạo: *nhà cửa, đồ dùng, quần áo...*; các vật thể, hiện tượng tự nhiên: *sông, núi, trăng, sao, mây...*; các khái

niệm trừu tượng: *quan điểm, tư tưởng, lập trường...*; thời gian: *ngày, tháng, năm, thiên niên kỉ, phút, giờ...*; không gian: *phía, hướng, phương, khoảnh...*

b. *Đặc điểm hình thức*: Khảo sát trên ngữ liệu cho thấy, trong tiếng Việt, sự vật được tính đếm thường có nghĩa khái quát là người, vật (động vật, thực vật, đồ vật), việc hoặc các hiện tượng tự nhiên. Do đó, từ ngữ biểu thị chúng thường là các danh từ hoặc cụm danh từ. Hình thức này được coi là hình thức biểu hiện cơ bản của kết tố sự vật được tính đếm vì nó phổ biến nhất. Ví dụ:

(9) *Nguyên và Thùy là hai anh em ruột.* [Lý Biên Cương]

(10) *Mới có cậu Ênh Ương cũng mập, phình bụng chi nói một câu bình thường cũng đã văng tai cả xung quanh rồi.* [Tô Hoài]

Khi được biểu thị bằng danh từ hay cụm danh từ, vị trí phổ biến của kết tố sự vật được tính đếm là vị trí sau số từ chỉ số lượng: *số từ chỉ số lượng + kết tố chỉ sự vật được tính đếm*. Ví dụ:

(11) *Mười tám tuổi, tôi có hai niềm vui rộng lớn, hai bước đi quan trọng trong cuộc đời: một chân bước vào ngưỡng của người lớn và một chân chuẩn bị bước vào ngưỡng của đại học.* [Nguyễn Nhật Ánh]

Tuy nhiên, trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, cũng có trường hợp kết tố sự vật được tính đếm đứng trước số từ chỉ số lượng. Trong trường hợp đó, bắt buộc đứng ngay sau số từ chỉ số lượng phải là một danh từ đơn vị. Ví dụ:

(12) *Cơm ba bát, thuốc ba thang.* [Tục ngữ]

(13) *Mứt hồng một lạng, chè tàu một cân.* [Ca dao]

(14) *Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân.* [Truyện Kiều]

Trật tự sắp xếp như trên thường chỉ xuất hiện trong thơ ca trữ tình nhằm nhấn mạnh, thu hút sự chú ý của người tiếp nhận đối với sự vật được nói đến. Sự sắp xếp linh hoạt

như vậy là do sự chi phối, tác động của các yếu tố thuộc bình diện ngữ dụng (mục đích, nhiệm vụ giao tiếp, sự phân bố tin trong cấu trúc thông báo).

Kết quả khảo sát cho thấy, không chỉ có các danh từ, cụm danh từ mà các đại từ, chủ yếu là đại từ xưng hô (đại từ nhân xưng) cũng được dùng để biểu thị kết tố sự vật được tính đếm. Đại từ nhân xưng biểu thị kết tố sự vật được tính đếm cũng có vị trí phổ biến là vị trí sau số từ chỉ số lượng. Ví dụ:

(15) *Bất giác, tôi tiến lại Trũi, đứng thẳng hai chân trước, khoác vai Trũi, hai chúng tôi hương xuống dưới võ đài.* [Tô Hoài]

(16) *Nhưng mà thằng nào có truyện đơn trong túi thì lôi ngay ra, hai chúng ta sẽ làm chúng là chính nó kêu, nghĩa là chỉ có một nó sẽ bị bắt.* [Vũ Trọng Phụng]

Kết tố sự vật được tính đếm không chỉ được biểu thị bằng các danh từ, cụm danh từ, đại từ xưng hô mà còn được biểu thị bằng các động từ, tính từ. Trong vai trò kết tố sự vật được tính đếm, các động từ và tính từ này thường được danh hóa và mang ý nghĩa sự vật tính. Ví dụ:

(17) *Xưa sao một hẹn thì nên/Giờ sao chín hẹn thì quên cả mười.* [Ca dao]

(18) *Dân ta trăm đăng ngàn cay.* [Ca dao]

Vị trí phổ biến của chúng là vị trí sau số từ chỉ số lượng. Tuy nhiên, trong những ngữ cảnh nhất định, cũng có khi kết tố này đứng trước số từ chỉ số lượng để chỉ mức độ của hành động hoặc nhấn mạnh tính chất, đặc điểm nào đó. Chẳng hạn:

(19) *Nói chín thì phải làm mười/ Nói mười làm chín kẻ cười người chê* [Ca dao]

(20) *Cánh tình khổ lắm ai ơi/ Chàng đi khó chín, thiếp tôi khó mười.* [Ca dao]

Là kết tố cơ sở, trên lý thuyết, kết tố sự vật được tính đếm thường không thể vắng khuyết. Tuy nhiên, trên thực tế, vẫn xảy ra một số trường hợp vắng khuyết chúng trong câu. Ví dụ:

(21) *Năm nay là một ø, nửa thì năm năm.* [Nguyễn Du]

(22) *Chủ cứ nghĩ rằng không nhẽ anh em ta lại chịu chết lênh đênh cả như thế này, mà phải cứu sống lấy một ø.* [Tô Hoài]

(23) *Hai vòng hoa đỏ sộ, một ø của báo Gõ Mõ, một ø của Xuân, cũng len vào hàng đầu.* [Vũ Trọng Phụng]

Sự vắng khuyết của một số kết tố cơ sở trong câu nhằm tránh lặp thông tin, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các đơn vị ngôn ngữ trong câu và cũng là để khẳng định đó là phần tin cũ, hướng sự tập trung vào phần tin mới, tiêu điểm thông báo.

Như vậy, trong mô hình kết trị của số từ chỉ số lượng, kết tố sự vật được tính đếm thường được biểu thị bằng các danh từ (cụm danh từ), các đại từ nhân xưng và các động từ, tính từ được danh từ hóa. Loại kết tố này có thể đứng ở trước và sau số từ, trong đó, vị trí đứng sau là vị trí cơ bản, vị trí đứng trước là vị trí không cơ bản.

### 3.2. Kết tố đơn vị được dùng để tính đếm

Thuộc tính số lượng của các sự vật hiện tượng tồn tại trong thực tế khách quan là tất yếu. Song có những sự vật hiện tượng không thể tính toán, đong đếm một cách trực tiếp nên không có khả năng kết hợp trực tiếp với số từ chỉ số lượng. Để tính đếm một cách rành mạch, không bị lẫn lộn giữa các sự vật hiện tượng không cùng loại đó, người ta đặt ra các đơn vị để tính đếm. Do đó, trong mô hình kết trị của số từ chỉ số lượng còn có một kết tố cơ sở là kết tố đơn vị được dùng để tính đếm.

Ở đây chúng tôi xác định kết tố chỉ đơn vị được dùng để tính đếm là một loại kết tố cơ sở của số từ chỉ số lượng bởi vì trong quá trình khảo sát và phân tích ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy, bằng thủ pháp cải biến, có thể dễ dàng tách biệt được hai yếu tố: đơn vị được dùng để tính đếm và sự vật được tính đếm trong sử dụng mà không

làm thay đổi ý nghĩa cơ bản của cấu trúc.  
Ví dụ:

(24) *Ba bát cơm* -> *Cơm ba bát*

(25) *Một lang chê* -> *Chê một lang*

Kết quả khảo sát và phân tích trên ngữ liệu tiếng Việt cho thấy loại kết tố này có những đặc điểm sau:

- *Đặc điểm ý nghĩa*: Kết tố chỉ đơn vị được đưa ra để tính đếm bổ sung, hiện thực hóa ý nghĩa: loại đơn vị được dùng để tính đếm cho số từ chỉ số lượng. Ví dụ:

(26) *Anh đứng dưới chân một cây cái xanh*. [Tô Hoài]

Các sự vật hiện tượng trong tự nhiên tuy rất phong phú đa dạng nhưng không tồn tại rời rạc, lẻ tẻ mà được con người quy vào những lớp, những loại đơn vị khác nhau. Thực tế khảo sát cho thấy, kết tố đơn vị được dùng để tính đếm có thể là các đơn vị tự nhiên: *tám, bức, cái, con, tờ, củ, quả, cục, hòn, viên, thùng, đĩa...*; có thể là các đơn vị quy ước: *cán, lít, mét, tạ, tấn, mẫu, sào...*; đơn vị tập hợp: *bầy, đàn, lũ, lớp, chông, đồng...*; đơn vị tổ chức hành chính: *huyện, xã, thôn, tỉnh, tổ, nhóm, ...*; đơn vị hành động của sự việc: *trần, cơn, chuyến, phen, lần, lượt, củ, nắm, bó, vốc, gánh, ngum, ...*

- *Đặc điểm hình thức*: Kết quả khảo sát trên ngữ liệu tiếng Việt cho thấy, kết tố đơn vị được dùng để tính đếm chủ yếu là đơn vị sự vật do đó chúng được thể hiện bằng các danh từ. Cụ thể, trong tiếng Việt, tiểu loại danh từ đơn vị là hình thức biểu hiện phổ biến nhất của loại kết tố này. Ví dụ:

(27) *Sáng nay nếu không vội đi bắt đũa khác thì tôi biểu thêm chị ấy vài chục quả phật thủ nữa*. [Ngô Tất Tố]

(28) *Hắn bỏ cả hai đũa vào cái tay nải rất to*. [Nam Cao]

Bổ sung ý nghĩa loại đơn vị được dùng để tính đếm, kết tố này thường đứng liền ngay sau số từ chỉ số lượng và trước kết tố chỉ sự vật được tính đếm. Có thể mô hình hóa vị trí của loại kết tố này như sau: *Số từ chỉ số*

*lượng - kết tố chỉ đơn vị được đưa ra để tính đếm - kết tố chỉ sự vật được tính đếm*.

Đây được xem là vị trí phổ biến của kết tố chỉ đơn vị được đưa ra để tính đếm trong mô hình kết trị của số từ chỉ số lượng ở cấp độ cụm từ. Ví dụ:

(29) *Mùng một tết, bố con hẳn xách một bao chè với năm quả cau, đến mùng tuổi các ông quan viên để kiểm cổ và kiểm tiền phong bao*. [Nam Cao]

(30) *Ba đồng một mớ trâu cày/ Sao anh không hỏi những ngày còn không* [Ca dao]

Trong một số trường hợp, kết tố này đứng trước số từ chỉ số lượng để nhấn mạnh loại đơn vị được dùng để tính đếm hơn là số lượng. Trường hợp này thường xảy ra với kết tố đơn vị được dùng để tính đếm là kết tố loại đơn vị quy ước. Ví dụ:

(31) *Giúp em quan tâm tiền cheo/ Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau*. [Ca dao]

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy, sự xuất hiện của kết tố đơn vị dùng để tính đếm, đặc biệt là kết tố đơn vị tính đếm được biểu thị bằng các danh từ chỉ đơn vị tự nhiên đã cho thấy đặc thù của tiếng Việt so với một số ngôn ngữ khác. Trong nhiều ngôn ngữ, sự kết hợp của số từ số lượng với một yếu tố nào đó chỉ đơn thuần là để biểu thị lượng sự vật. Có thể thấy rõ điều đó qua các ví dụ trong tiếng Anh:

(32) *I have five books.*; (33) *These five pens are mine.*

(34) *I would like two cups of coffee.*

Còn trong tiếng Việt, kết trị của số từ chỉ số lượng một mặt vừa biểu thị lượng sự vật nhưng mặt khác thể hiện rõ cách tri nhận của người Việt về sự vật. Và kết tố đơn vị dùng để tính đếm làm nên sự khác biệt này. Người Việt dễ dàng nhận ra sự khác nhau của sự vật trong các cách dùng: *hai con thuyền/ hai cái thuyền, năm vì sao/ năm ông sao/ năm ngôi sao; một lá thư/ một bức thư, ...*

3.1.3. *Kết tố thể được định lượng*

Nếu kết tố sự vật được tính đếm và kết tố đơn vị được dùng để tính đếm là loại kết tố

tiêu biểu của số từ chỉ số lượng trong phạm vi cụm từ thì kết tố chỉ chủ thể được định lượng là kết tố bắt buộc của số từ số lượng trong phạm vi câu. Loại kết tố này có đặc điểm như sau:

**Đặc điểm ý nghĩa:** Kết tố thể được định lượng bổ sung cho số từ chỉ số lượng ý nghĩa cú pháp chủ thể được đưa ra để định lượng (tuổi tác, giá cả...). Kết tố này được xác định trong mỗi quan hệ cú pháp: số từ làm trung tâm ngữ pháp - ngữ nghĩa (làm vị tố) trong câu. Ví dụ:

(35) *Một người mười chín đôi mươi/Một người vừa đẹp vừa tươi như mình.* [Ca dao]

**Kết quả khảo sát cho thấy thể được định lượng trong thực tế khách quan khá đa dạng, phong phú.** Do đó nó có thể có nét nghĩa khái quát là người, vật (động vật, thực vật,...).

**Đặc điểm hình thức:** Kết tố chỉ thể được định lượng được biểu hiện bằng danh từ, cụm danh từ hoặc đại từ. Qua khảo sát ngữ liệu, chúng tôi thấy loại kết tố này thường đứng trước số từ chỉ số lượng, có thể kết hợp trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các phụ từ chỉ thời (đã, sắp, mới...) hoặc các từ độ, gần, khoảng, chừng, ngót,... Có thể mô hình hóa vị trí của chúng như sau: *Kết tố thể được định lượng - Số từ chỉ số lượng.* Ví dụ:

(36) *Cu năm nay đã ngoài sáu mươi.* [Nam Cao]

(37) *Một câu hề trạc mười ba, tóc còn để trái đào, mặc một bộ áo nâu thẫm màu vỏ dứa của người vùng biển.* [Hà Ân]

#### 4. Kết luận

Như vậy, kết trị của số từ chỉ số lượng trong tiếng Việt chính là khả năng mở ra xung quanh nó những ô trống cần hoặc có thể lấp đầy bởi những thành tố ngữ pháp nhằm bổ sung những ý nghĩa nhất định. Toàn bộ khả năng kết hợp đó tạo nên kết trị của nhóm số từ này. Nghiên cứu trên ngữ liệu tiếng Việt, chúng tôi đã xác định được

kết trị của số từ chỉ số lượng bao gồm 3 kết tố cơ sở thuộc hai cấp độ là: *kết tố sự vật được tính đếm, kết tố đơn vị được dùng để tính đếm, kết tố thể được định lượng.* Những kết tố này chịu sự chi phối ẩn định trực tiếp của số từ chỉ số lượng. Khi được hiện thực hóa, chúng góp phần bộc lộ những đặc điểm bản chất nhất của số từ chỉ số lượng. Nghiên cứu đặc điểm kết trị của số từ chỉ số lượng trong tiếng Việt thể hiện rõ quan niệm của người nghiên cứu về kết trị là một quan niệm nói rộng biên độ kết trị so với L. Tesnière. Nghiên cứu đặc điểm kết trị của số từ chỉ số lượng trong tiếng Việt đặc biệt là nghiên cứu các kết tố cơ sở có ý nghĩa quan trọng trong việc nhận diện và phân định từ loại số từ trong tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu đặc điểm kết trị của số từ chỉ số lượng trong tiếng Việt còn giúp chúng tôi phát hiện được đặc trưng ngữ nghĩa - ngữ pháp riêng biệt của số từ chỉ lượng trong tiếng Việt so với các ngôn ngữ khác.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Lan Anh (2014), *Đặc điểm kết trị của nhóm vị từ chỉ quan hệ vị trí thuộc tính trong tiếng Việt*, Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư số tháng 5.
2. Lê Thị Lan Anh (2014), *Từ trũng trong thơ Hàn Mặc Tử: nhìn từ lý thuyết kết trị*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số tháng 9.
3. Asher R.E (ed). (1994), *The encyclopedia of language and linguistics*. 9 vol. Oxford and New York: Pergamon Press
4. Đinh Văn Đức (2010), *Các bài giảng về từ pháp học tiếng Việt (từ loại nhìn từ bình diện chức năng)*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Lộc (2000), *Kết trị của động từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Tesnière L.(1969), *Eléments de syntax structurale*, Paris -Klincksieck.